

Kính thưa bà,

Tên họ = NGUYỄN VĂN TRUNG Sinh ngày 12 - 7 - 1947 Saigon
 Cấp bậc = Thiếu úy CLQ / TB Số quân = 67/822213
 Địa chỉ trên máy: 45/6 Trần Hưng Đạo P.12 Phú Nhuận
 TP. Hồ Chí Minh VN.

Họ Tên: TỰ TỬ II, Ngày sinh: 19/11/1967
 1966 - 8/1/1967: Phó chỉ huy trưởng tại Phòng Pháo tá
 8/1/1967 - 10/1/1970: Trung sĩ trưởng dịch vụ tại tỉnh
 Bình Thuận, MAC-V ADVISORY TEAM # 37
 APO SF 96317
 10/1/1970 - 3/1/1971: Thủ lĩnh sĩ quan Bộ Binh khu 3/70
 tại trung tâm Binh Thủ Đức.
 4/1/1971 - 10/1/1971: Chuẩn úy trưởng đơn vị tại đơn
 693 ĐPQ (REGIONAL FORCES) TX Bình Thuận.
 10/1/1971 - 01/1/1972: Chuẩn úy trưởng đơn vị tại đơn
 Bộ Công (Vũng IV). bị thương vì mìn
 khi dẫn lính quân ở năm 1971. Binh đến 4/1/1972
 4/1/1972 - 01/1/1973: Thiếu úy trưởng đơn vị tại đơn
 Trại 04 (PX) Trại khu Bộ Công.
 02/1/1973 - 01/1/1975: Sĩ Quan Quân thi nhân viên (S1,
 ADJUTANT GENERAL OFFICER) Trại Đồn 514/P
 Trại Bộ Công. Từ 1/75 đến 4/75 về học

BỘ QUỐC PHÒNG
Cục Quân Pháp

QU DƯA 3

Số: B1/A0-7/2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY RA TRẠI

Căn cứ chỉ thị số 316/TTg ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về chính sách đối với binh sĩ, nhân viên các cơ quan chính quyền của chế độ cũ và đảng phái phản động hiện đang bị tập trung cải tạo.

Căn cứ thông tư Liên Bộ Quốc phòng - Nội vụ số 07TT/LB ngày 29-12-1977 về việc thực hiện chỉ thị số 316/TTg ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ.

Thi hành quyết định số 68/QĐ ngày 30/03/1978 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

CẤP GIẤY RA TRẠI

- Họ và tên: NGUYỄN VĂN TRUNG

Ngày, tháng, năm sinh: 1947

Quê quán: Sài Gòn

Trú quán: _____

Nơi cho về: Sông Bé

Số lính, cấp bậc, chức vụ trong bộ máy chính quyền, quân sự và các tổ chức chính trị phản động của chế độ cũ: 01/02/21

Thiếu úy, Khóa sinh Sĩ tổng quân trị - địa phương quân

- Khi về, phải trực tiếp trình ngay giấy này với Ủy Ban Nhân dân và công an xã,

Phường: Số 110 Ấp 1 xã Bến Thượng thuộc Huyện,

Quận: Bến Cát Tỉnh, Thành phố: Sông Bé

và phải tuân theo các quy định của Ủy Ban Nhân dân Tỉnh, Thành phố về việc quản chế, về nơi cư trú và các mặt quản lý khác:

- Thời hạn quản chế: Sáu tháng

- Thời hạn đi đường: Hai ngày (kể từ ngày ký giấy

ra trại).

- Tiền và lương thực đi đường đã cấp: _____

(Cổ giấy cấp phát kèm theo)

Ngày 10 tháng 5 năm 1978



ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, Thị trấn _____
Thị xã Quận Hố
Thành phố, Tỉnh Saigon

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Mẫu H70/70



BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

Số 49738

Quyển số _____

Họ và tên :	NGUYỄN VĂN HÒA	Nam, nữ / Nam
Sinh ngày tháng, năm :	Ngày 17 tháng 05 năm 1971	
Nơi sinh	Saigon, 284 Công Quỳnh	
Khai về cha mẹ	CHA	MẸ
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	NGUYỄN VĂN THƯỜNG 24t	TRẦN THỊ MỸ 24t
Dân tộc Quốc tịch	///	///
Nghề nghiệp Nơi ĐKKK thường trú	Cán nhân Gia đình, 141/4 Trương Tấn Bửu	Sội thợ
Họ, tên tuổi, nơi ĐKKK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Lê Văn Thành 25t	

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Đang ký ngày 21 tháng 5 năm 1971

(ký tên đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

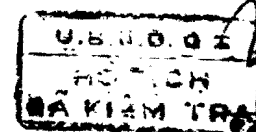
Ngày 21 tháng 6 năm 1984

TM. UBND xã ký tên đóng dấu



PHÓ VĂN PHÒNG

Nguyễn Văn Thành



THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Quận : PHÚ - NHUẬN

Phường :

NĂM 1976

★

Số : 37



BẢN SAO GIẤY KHAI SINH

Họ, tên	: NGUYỄN - TRƯỜNG - A N.
Gái hay trai	: Trai
Ngày, tháng, năm sinh	: Bốn tháng giêng năm một ngàn chín trăm bảy mươi sáu.
Nơi sinh	: Nhà, Bào sanh An Kỳ
Họ, tên, tuổi, quốc tịch người cha	: Nguyễn Văn Trung . 29t . Việt Nam .
Nghề nghiệp, chỗ ở người cha	: --- 45/6 Trương Tấn Bửu . PN.
Họ, tên, tuổi, quốc tịch người mẹ	: Trần Thị Mỹ . 29t . Việt Nam .
Nghề nghiệp, chỗ ở người mẹ	: Đồn bán 45/6 Trương Tấn Bửu . PN

Làm tại Quận Phú Nhuận ngày 09 tháng 01 năm 197 6

CHÚ THÍCH :

//

//

SAO LỤC

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, ngày 09 tháng 01 năm 197 6

ỦY BAN NHÂN DÂN HỘ TỊCH



6 QUẢNG

VIỆT NAM CỘNG-HÒA
ĐO THÀNH SAIGON

QUẬN Nhứt

Số hiệu 118

0



TRÍCH-LỤC CHỨNG-THƯ HÔN-THÚ

TÊN HỌ NGƯỜI CHỒNG NGUYỄN-VĂN-TRUNG

nghề-nghiep Quan-nhan

sinh ngày mười hai tháng bảy năm một ngàn chín
trăm bốn mươi bảy (1947) tại SAIGON

cư trú tại SAIGON, 40-B, đường Tru-phúc nói dài

tạm trú tại /

Tên họ cha chồng Nguyễn-văn-Nhon (chết)

(Sống chết phải nói)

Tên họ mẹ chồng Lê-thị-Thanh

(Sống chết phải nói)

TÊN HỌ NGƯỜI VỢ TRẦN-THỊ-MỸ

nghề-nghiep Nồi-trơ

sinh ngày mười lăm tháng năm năm một ngàn chín
trăm bốn mươi bảy (1947) tại Phước-Kỷ (Hà-Dong)

cư trú tại GIANGINH, 141/6 đường Trương-tấn-Sư

tạm trú tại /

Tên họ cha vợ Trần-văn-Dai

(Sống chết phải nói)

Tên họ mẹ vợ Nguyễn-thị-Chu

(Sống chết phải nói)

Ngày lập hôn hai mươi tháng tứ năm một ngàn chín

bảy mươi (20-4-1970).

Vợ chồng khai có hay không /

ngày / tháng / năm /

tại /

TRÍCH LỤC Y BỐN CHÍNH:

Saigon, ngày 22 tháng 4 năm 19 70

QUẬN-TRƯỞNG QUẬN Nhứt

Viên-Chức Hộ-Tịch,

1970

VÔ-TÂN-THỌ
Phó Đốc-Su





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **280381306**

Họ tên **NGUYỄN-VĂN-TRUNG**



Sinh ngày **12-07-1947**

Nguyên quán **Quận 01**

Đài Gòn

Nơi thường trú **Bến Trông**

Bến Cát, Sông Bé

Dân tộc:

Kinh

Tôn giáo:

Không

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

NGÓN TRỎ TRÁI

Sẹo tròn 0,4cm C1,5
cm trên trước đầu
mày trái.

Ngày 25 tháng 06 năm 1983

CHỈ HUY
THỦY QUÂN
TRƯỞNG TY CÔNG AN

NGÓN TRỎ PHẢI



Trần Chí Thành



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **C20390589**

Họ tên **TRẦN THỊ MỸ**



Sinh ngày **15-05-1947**

Nguyên quán **Kiến An,**
Thành phố Hải Phòng.

Nơi thường trú **45/6 Trường-**
Tấn Bửu, PN, TP. Hồ Chí Minh.

Dân tộc: **kinh**

Tôn giáo: **phật**



NGÓN TRỎ TRÁI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Sẹo chấm cách 1cm
trên sau đuôi mắt,
phải.



NGÓN TRỎ PHẢI



FM: M2 N^o 12/20/89
45/6 Tr^ong H^ong Li^ong
F^ung 12 Qu^on N^o 12/20/89
TP H^o Chi Minh - VN

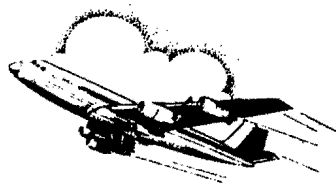
NGHIA D^ong
A^ong N^o 12/20/89

H^o CHI MINH
-8.3.90

VIET NAM
✠ 103500

TELE. 70
08 03 95
70000

To: B^o KHU^o MINH TH^o
FUNPPA.
PO BOX 5435 ARLINGTON
VA 22205 - 0635
USA



MAR 2 2 1990

PAR AVION VIA AIR MAIL

CONTROL

2/8

- ☒ Card
- ☒ Doc. Request; Form
- ☒ Release Order
- ☐ Computer
- ☐ Form "D"
- ☐ ODP/Date _____
- ☐ Membership; Letter